

**DANH SÁCH HOÀN TIỀN VÀO THẺ TÍN DỤNG CTKM GRANDSALE
ĐỢT 3**

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
1	LE MINH TUAN	4271XX3107	1,500,000
2	PHAN VAN QUAN	4271XX1101	1,500,000
3	NGUYEN THU THAO	4271XX5102	1,500,000
4	DAO NGOC KIM	4271XX9105	1,500,000
5	NGUYEN TH HIEN THUONG	4271XX8107	1,500,000
6	NGUYEN THI THAO	4271XX7109	1,500,000
7	NGUYEN DUC DUY	4271XX5102	1,500,000
8	LE KE DUY THIEN	4271XX4106	1,500,000
9	TRUONG QUOC HUNG	4271XX5103	1,500,000
10	NGUYEN THI ANH TUYET	4271XX0103	1,500,000
11	LE THI YEN VI	4271XX2100	1,500,000
12	LUU MY HUNG	4271XX4105	1,500,000
13	LE HONG HA	4271XX2109	1,500,000
14	DO HONG NAM	4271XX1103	1,500,000
15	DANG NHAT LINH	4271XX3107	1,500,000
16	DINH CONG TIEN	4271XX4102	1,500,000
17	LE THI THANH THUY	4271XX8107	1,500,000
18	KHA THI CHAU GIANG	4271XX9104	1,500,000
19	PHAM THI HANG	4271XX6109	1,500,000
20	PHAM THANH THUY	4271XX6103	1,500,000
21	HOANG ANH HAO	4271XX2107	1,500,000
22	HOANG HUU CUONG	4271XX3106	1,500,000
23	TRAN MINH ANH	4271XX8107	1,500,000
24	NGUYEN THI THU HA	4271XX1105	1,500,000
25	LE THANH THU	4271XX2100	1,500,000
26	BUI THI HANG NGA	4271XX8101	1,500,000
27	VUONG DINH TUYEN	4271XX7108	1,500,000
28	NGUYEN THI LE THUY	4271XX0105	1,500,000
29	NGUYEN THI KIM HOA	4271XX5104	1,500,000
30	NGUYEN THANH CHUNG	4271XX4105	1,500,000
31	DO THI HAI	4271XX8108	1,500,000
32	HOANG NGOC PHUONG	4271XX2109	1,500,000
33	DOAN MINH QUYEN	4271XX1106	1,500,000
34	DANG THI THUY HA	4271XX9100	1,500,000
35	LE PHUONG ANH	4271XX6105	1,500,000
36	NGUYEN BA HIEU	4271XX7104	1,500,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
37	DIEN THI THU THUY	4271XX3102	1,500,000
38	NGUYEN THI THU HA	4271XX5107	1,500,000
39	NGUYEN VAN TUYEN	4271XX9102	1,500,000
40	TRAN VU SON HA	4271XX2106	1,500,000
41	LE THI THANH PHUONG	4271XX2105	1,500,000
42	LAM NGOC LAN	4271XX0103	1,500,000
43	NGUYEN THI GIANG	4271XX8104	1,500,000
44	DUONG VINH THUY	4271XX3104	1,500,000
45	NGUYEN THI THU HUYEN	4271XX0109	1,500,000
46	NGUYEN VAN OANH	4271XX6107	1,500,000
47	DANG VAN HOC	4271XX4103	1,500,000
48	TRAN MINH DUC	4271XX1109	1,500,000
49	BUI THI HANG	4271XX3105	1,500,000
50	DONG ANH DUC	4271XX6100	1,500,000
51	NGUYEN TRA MY	5305XX5107	1,500,000
52	VIEN TUAN NINH	4271XX5101	1,500,000
53	NGUYEN THAI MINH	4271XX4104	1,500,000
54	PHAM THI THANH	4271XX5102	1,500,000
55	PHAM TUNG LAM	4271XX1100	1,500,000
56	TRINH NGOC CUONG	5305XX6105	1,500,000
57	NGUYEN THI THANH HA	4271XX1102	1,500,000
58	TRAN THI NGOC DIEU	4271XX3107	1,500,000
59	PHAN TRUNG HIEU	4271XX0102	1,500,000
60	TRUONG HAI LINH	4271XX7109	1,500,000
61	TRAN THI MAI HIEN	4271XX6101	1,500,000
62	VO THI TUY HONG	4271XX3109	1,500,000
63	LE THANH SON	4271XX5103	1,500,000
64	TU TUAN ANH	4271XX4106	1,500,000
65	NGUYEN VAN LAM	4271XX0103	1,500,000
66	NGUYEN THANH DUNG	4271XX7101	1,500,000
67	PHAM HONG QUAN	4271XX0105	1,500,000
68	HUYNH KHANH VY	4271XX7101	1,500,000
69	YOU WEON HYEON	4271XX5105	1,500,000
70	NGUYEN HOANG THE ANH	4271XX8104	1,500,000
71	NGUYEN XUAN DUC	4271XX2102	1,500,000
72	TRAN HUYEN TRANG	4271XX6104	1,500,000
73	PHAM THE ANH	4271XX3100	1,500,000
74	MAI HUNG TRAN	4271XX1105	1,500,000
75	HOANG MY ANH	4271XX4109	1,500,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
76	BUI HUU QUANG	4271XX9108	1,500,000
77	NGUYEN MANH HUNG	4271XX7102	1,500,000
78	NGUYEN PHONG YEN	4271XX1104	1,500,000
79	NGUYEN THANH TRA	4271XX3100	1,500,000
80	NGUYEN ANH PHUONG	4271XX5106	1,500,000
81	DANG VAN PHUC	4271XX7106	1,500,000
82	DINH THI THUY NGA	4271XX8100	1,500,000
83	TRAN LE THU HOAI	4271XX4103	1,500,000
84	NGUYEN VAN MINH	4271XX6104	1,500,000
85	NGUYEN T HUYEN TRANG	4271XX0102	1,500,000
86	HOANG NGOC ANH	4271XX8106	1,500,000
87	NGUYEN VIET HUY HOANG	4271XX4105	1,500,000
88	NGUYEN THI HOA	4271XX9104	1,500,000
89	HACH THANH CHIEN	4271XX3107	1,500,000
90	NGUYEN THANH TUNG	4271XX9109	1,500,000
91	NGO VAN HIEP	4271XX5103	1,500,000
92	NGUYEN THI KHANH LINH	4271XX7109	1,500,000
93	NGUYEN NGOC HONG HANH	4271XX3109	1,500,000
94	LE QUANG DAO	4271XX7103	1,500,000
95	NGUYEN TUAN DUNG	4271XX9100	1,500,000
96	TU THI NGOC LAN	4271XX3102	1,500,000
97	LE MINH HANG	4271XX0100	1,500,000
98	NGUYEN THI DIEM QUYNH	4271XX7105	1,500,000
99	LE LONG HUNG	4271XX3107	1,500,000
100	NGUYEN THANG PHONG	4271XX3104	1,500,000
101	PHAM THI NGA	4271XX4100	1,500,000
102	TRUONG THI TUYET HANH	4271XX2103	1,500,000
103	LY THANH KIEU	4271XX3108	1,500,000
104	VUONG VI BUU	4271XX1102	1,500,000
105	DANG KIM DAI	5305XX0106	1,500,000
106	VU VAN CUONG	4271XX6103	1,500,000
107	NGUYEN THI KIEU NGA	4271XX0105	1,500,000
108	TRAN HUNG DUONG	4271XX1103	1,500,000
109	NGUYEN TAN ANH KHOA	4271XX1104	1,500,000
110	PHAM VAN CHAN	4271XX4107	1,500,000
111	DO NGOC HUNG	4271XX2102	1,500,000
112	NGUYEN NHU PHONG	4271XX6102	1,500,000
113	PHAM HAI PHUONG	4271XX3100	1,500,000
114	CHU DUY THUAN	4271XX2101	1,500,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
115	NGUYEN THANH TRUONG	4271XX4100	1,500,000
116	VUONG QUOC THANG	4271XX3102	1,500,000
117	PHAM THI BAO NGOC	4271XX9108	1,500,000
118	LE THE NGA	4271XX7104	1,500,000
119	VU THANH CHAU	4271XX2104	1,500,000
120	NGUYEN HONG HANH	4271XX4109	1,500,000
121	VU THI VUONG	4271XX6105	1,500,000
122	TRINH THI XUAN THUY	4271XX1106	1,500,000
123	BUI THI HOA	4271XX8102	1,500,000
124	PHAM THI BUOI	4271XX4101	1,500,000
125	PHAM THI MY TRAN	4271XX9100	1,500,000
126	BUI THI THANH HONG	4271XX1106	1,500,000
127	VU VAN THUAN	4271XX8103	1,500,000
128	HO NGOC PHUONG THAO	4271XX0109	1,500,000
129	DANG XUAN HUNG	4271XX1107	1,500,000
130	NGUYEN THI THAM	4271XX1108	1,500,000
131	NGUYEN QUANG HOA	4271XX4102	1,500,000
132	NGUYEN DUY KIM THU	4271XX8106	1,500,000
133	BUI TIEN THANH	4271XX0100	1,500,000
134	NGUYEN THI THANH THAO	4271XX4105	1,500,000
135	NGUYEN THI THINH	4271XX7109	1,500,000
136	VU THANH VAN	4271XX0105	1,500,000
137	NGO QUOC DAI	4271XX6102	1,500,000
138	NGO THI HUONG GIANG	4271XX9107	1,500,000
139	LE VAN CUONG	4271XX5104	1,500,000
140	NGUYEN THI HUONG LINH	4271XX1105	1,500,000
141	PHAM THANH CHUAN	4271XX9109	1,500,000
142	DINH THI LAN ANH	4271XX8102	1,500,000
143	DAO THI YEN NGOC	4271XX7104	1,500,000
144	NGUYEN KHAC TUAN	4271XX7103	1,500,000
145	DINH TIEN DUNG	4271XX4109	1,500,000
146	HUYNH THI THU HA	4271XX0108	1,500,000
147	DANG THI HONG BICH	4271XX9100	1,500,000
148	QUAN HUU DONG	4271XX4112	1,500,000
149	TRAN THI NGOC HOA	4271XX6116	1,500,000
150	NGUYEN DUC DUONG	4271XX7122	1,500,000
151	PHAM THI DIEP ANH	4111XX0109	700,000
152	LUONG THI TUOI	4111XX6106	700,000
153	DOAN HONG DAI	4286XX5100	350,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
154	VU THAI BINH	4111XX8106	700,000
155	PHAM THI THANH HUONG	4111XX1106	700,000
156	CHU THI NGOC ANH	4286XX7104	350,000
157	NGUYEN MINH CHAU	4111XX8106	700,000
158	VO THI MY NHAN	4111XX4106	700,000
159	PHAM THI NGOC HA	4286XX1102	350,000
160	NGUYEN THI HUYNH MAI	4111XX8100	700,000
161	LE THI NGOC TIEN	4286XX7107	350,000
162	DUONG ANH TUAN	4111XX6109	700,000
163	DANG PHUOC SY	4286XX9102	350,000
164	DINH CONG THANH	4286XX2106	350,000
165	HUYNH THI XUAN QUYNH	4111XX8109	700,000
166	DAO HOANG ANH	4111XX9102	700,000
167	DAO PHU CUONG	4111XX6109	700,000
168	BUI VAN CHUNG	4111XX2100	700,000
169	NGUYEN THI HONG HANH	4111XX7108	700,000
170	NGUYEN THI MINH TRANG	4111XX8106	700,000
171	PHAN LE TRUNG THANH	4286XX1106	350,000
172	PHAN THI THUY VAN	4111XX1106	700,000
173	HOANG NU NGOC QUYNH	4286XX0104	350,000
174	NGUYEN DUC TRUYEN	4111XX5105	700,000
175	NGUYEN XUAN HUNG	4111XX2102	700,000
176	PHAN ANH DUNG	4111XX2105	700,000
177	NGUYEN THI LIEN	4111XX2102	700,000
178	NGUYEN VAN THUYEN	4111XX0107	700,000
179	TRAN THI PHUONG ANH	4286XX8107	350,000
180	LE VU MINH	4111XX2107	700,000
181	NGUYEN NGOC ANH	4111XX4109	700,000
182	VU THANH LOI	4286XX0103	350,000
183	PHAM QUOC CUONG	4111XX5106	700,000
184	VONG TAU HENH	4111XX7104	700,000
185	LE THI TRUC PHUONG	4111XX5107	700,000
186	TRAN THI TRANG	4286XX1109	350,000
187	TRAN THI HUYEN	4111XX9109	700,000
188	LE THI BICH HANH	4111XX6102	700,000
189	HOANG THI BICH THUY	4286XX9106	350,000
190	NGUYEN XUAN NGHI	4286XX0103	350,000
191	DONG VAN TRUNG	4111XX5101	700,000
192	NGUYEN THI THEU	4111XX0107	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
193	NGUYEN THI LEN	4286XX5106	350,000
194	HUYNH KIM DUY	4286XX5100	350,000
195	PHAM VAN KHOA	4111XX4105	700,000
196	HO THI KIM PHA	4111XX1105	700,000
197	HUA NGOC TU	4111XX3102	700,000
198	TRINH THI LAN CHI	4111XX7109	700,000
199	NGUYEN NGOC THANH	4111XX8107	700,000
200	LAM QUANG THANH	4286XX0105	350,000
201	MAI THUY LINH	4111XX8106	700,000
202	NGUYEN VAN DINH	4111XX8100	700,000
203	TRUONG QUOC HUY	4111XX1103	700,000
204	PHAM T THUONG THUONG	4286XX7106	350,000
205	LUU THI PHIEN	4111XX2106	700,000
206	LE QUY DON	4111XX1105	700,000
207	TRUONG PHUOC HUNG	4111XX1107	700,000
208	NGUYEN THI THANH TRUC	4111XX9104	700,000
209	NGUYEN QUY CUONG	4111XX6109	700,000
210	NGUYEN THI VAN	4111XX1100	700,000
211	NGUYEN VAN HAI	4111XX2106	700,000
212	NGUYEN HOANG TUYEN	4111XX5108	700,000
213	PHAM THI DUNG	4111XX4108	700,000
214	NGUYEN THI DUNG	4286XX1109	350,000
215	TRAN VAN THIET	4286XX2108	350,000
216	PHAN THI NGUYET	4111XX2100	700,000
217	LUONG THE CUONG	4111XX8107	700,000
218	DAO XUAN TRUONG	4286XX8107	350,000
219	PHAM THI ANH NGUYET	4111XX0100	700,000
220	LE HIEN THAO	4286XX8104	350,000
221	PHAN MINH DUC	4111XX4106	700,000
222	HO MINH	4111XX4107	700,000
223	NGUYEN VAN THUY	4111XX0104	700,000
224	NGUYEN THI LINH	4111XX1107	700,000
225	NGUYEN HOANG DUNG	4286XX9100	350,000
226	NGUYEN VAN MINH	4111XX2107	700,000
227	LE HOANG KHANG	4111XX8102	700,000
228	DO THI THANH HANG	4111XX0102	700,000
229	NGO DUY THANG	4286XX4104	350,000
230	NGUYEN HUU HOANG MINH	4111XX6103	700,000
231	DANG TRUONG NHAN	4111XX5103	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
232	HUYNH HIEP NGHIA	4286XX7102	350,000
233	LE THI MINH NGUYET	4111XX0108	700,000
234	LE THI KIM SON	4111XX5102	700,000
235	LE VAN HUAN	4111XX3103	700,000
236	DO HONG LINH	4111XX7101	700,000
237	MAN HAO QUANG	4286XX9108	350,000
238	TRAN NHAT HUY	4111XX9105	700,000
239	LE THI TUYET HOA	4111XX2100	700,000
240	CAO ANH TUAN	4286XX4105	350,000
241	NGUYEN THI NHU NGOC	4286XX1102	350,000
242	TRAN HUY HIEU	4286XX4103	350,000
243	NGUYEN THI THANH HOA	4111XX0109	700,000
244	NGUYEN THI HIEN	4111XX6107	700,000
245	NGUYEN DINH NGHINH	4286XX1100	350,000
246	PHAN NGOC SON	4111XX3109	700,000
247	LE THI DIEM PHUONG	4111XX0101	700,000
248	DANG THUY LINH	4111XX4103	700,000
249	PHAM DUC KHOA	4286XX8104	350,000
250	PHAN CHAU TAI	4111XX0106	700,000
251	NGUYEN VAN VIET	4111XX3106	700,000
252	NGUYEN VAN DIEP	4111XX8104	700,000
253	NGUYEN VAN PHONG	4286XX7109	350,000
254	NGUYEN VAN THO	4111XX2106	700,000
255	DANH THI THU CUC	4111XX0104	700,000
256	TRAN QUOC KHANH	4111XX3101	700,000
257	NGUYEN XUAN DUNG	4111XX7108	700,000
258	TRUONG VAN THAI	4286XX5109	350,000
259	PHAM THU HIEN	4111XX5102	700,000
260	VO THI KIEU NHI	4111XX8101	700,000
261	BUI MANH HIEN	4111XX9107	700,000
262	VO MINH TAM	4111XX4108	700,000
263	BUI THO KHOA	4111XX5108	700,000
264	NGUYEN THANH LUAN	4111XX5109	700,000
265	NGUYEN TRONG LONG	4111XX2107	700,000
266	LE THI KIM	4286XX3105	350,000
267	NGUYEN QUY MINH	4286XX7102	350,000
268	TRUONG THI HONG HANH	4111XX3107	700,000
269	NGUYEN THI MAI TRANG	4286XX4106	350,000
270	HOANG THI HANH	4111XX9101	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
271	TRINH DUC BINH	4111XX8105	700,000
272	NGUYEN CHIEN THANG	4111XX8109	700,000
273	DINH QUANG HUY	4111XX1103	700,000
274	PHO MANH TUNG	4286XX4102	350,000
275	BUI THAI NGUYEN	4111XX1109	700,000
276	TRAN THUY LOAN	4111XX1101	700,000
277	NGUYEN HOAI THANH	4111XX3100	700,000
278	MAC CAM MINH	4111XX6105	700,000
279	PHAN THI QUE HUONG	4111XX1108	700,000
280	DANG NAM BINH LONG	4111XX2104	700,000
281	HOANG VAN PHONG	4286XX2104	350,000
282	HA NGUYEN THU HIEN	4111XX0108	700,000
283	DAM CONG DUNG	4111XX7109	700,000
284	DUONG PHUONG THAO	4111XX7108	700,000
285	LY THI HOAI VAN	4111XX3106	700,000
286	BUI HUY HIEU	4286XX2105	350,000
287	PHAM DONG KHOI	4111XX2108	700,000
288	NGUYEN THI THANH BINH	4111XX5106	700,000
289	NGO THI NGA	4111XX8102	700,000
290	DANG THI KHANH LY	4286XX6100	350,000
291	DAO QUOC HUNG	4111XX1108	700,000
292	NGUYEN THI CAM TU	4111XX6102	700,000
293	DANG PHUONG THUY	4286XX0101	350,000
294	BUI MANH HONG	4111XX1109	700,000
295	NGHIEM XUAN HONG	4111XX5104	700,000
296	TRINH KIM UYEN	4286XX0105	350,000
297	TRINH HUY PHUONG	4111XX3101	700,000
298	NGUYEN HUU PHUC	4111XX4103	700,000
299	VU XUAN PHUC	4111XX6100	700,000
300	MAI LINH TAM	4111XX2101	700,000
301	PHAM QUOC VIET	4111XX2107	700,000
302	LE CONG UYEN VI	4111XX7102	700,000
303	PHAN MINH HUONG	4286XX7105	350,000
304	HO THI KIM XUAN	4286XX5104	350,000
305	MA THE AN	4111XX9103	700,000
306	TONG THI HONG LIEN	4286XX8107	350,000
307	CAO QUYNH NGA	4111XX8105	700,000
308	LE VU HAI NGAN	4111XX4107	700,000
309	NGUYEN NGOC CHIEN	4111XX7100	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
310	KIEU THI MALY SOPHI	4111XX0106	700,000
311	TRAN THI HANH	4286XX6109	350,000
312	TRINH MANH THONG	4286XX5108	350,000
313	NGUYEN THI NGA	4111XX0109	700,000
314	CAO VU KHANH VAN	4111XX0107	700,000
315	VAN DUC DOAN	4111XX3100	700,000
316	DUONG THI YEN	4111XX2101	700,000
317	TRAN BAO UYEN	4111XX9103	700,000
318	KHUC THI TAM	4111XX2105	700,000
319	NGUYEN THI DIEU LINH	4111XX6104	700,000
320	VUONG GIA PHAT	4111XX9105	700,000
321	TRAN THI UT	4111XX5102	700,000
322	LAM THI MINH HUONG	4111XX1105	700,000
323	DAO HUY TOAN	4111XX9103	700,000
324	HOANG MY LINH	4111XX4109	700,000
325	NGUYEN THI THU HUONG	4286XX3103	350,000
326	MAI THI PHUONG	4111XX4104	700,000
327	DINH TIEN HUNG	4111XX6103	700,000
328	PHAM THI KIM CHI	4111XX7100	700,000
329	LE THI THU TRANG	4111XX5103	700,000
330	DAO THI THU TRANG	4286XX0104	350,000
331	LE NHO SUNG	4111XX6103	700,000
332	NGUYEN THI LUONG	4111XX3105	700,000
333	NGUYEN XUAN KHOA	4286XX9105	350,000
334	NGUYEN TRAN TRAM ANH	4111XX4106	700,000
335	NGUYEN THAI DUONG	4111XX5105	700,000
336	PHAM MANH HUNG	4111XX0107	700,000
337	NGUYEN BA NAM	4286XX4103	350,000
338	NGUYEN THI HONG	4111XX3108	700,000
339	DO THI YEN	4286XX3109	350,000
340	TRUONG NGOC TUAN	4111XX8108	700,000
341	TRAN TRUNG NGHIA	4111XX1104	700,000
342	DANG THI HAO	4286XX0102	350,000
343	NGUYEN TRUNG ANH	4111XX7107	700,000
344	TRUONG THI TUAN TU	4286XX9109	350,000
345	HUYNH TAN CANH	4286XX6102	350,000
346	HUYNH THI NGOC YEN	4286XX5104	350,000
347	CHU THE TAI	4286XX2105	350,000
348	LE THI THUY	4111XX1108	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
349	HO THI THU	4111XX6109	700,000
350	BUI NGOC CHI THIEN	4111XX7109	700,000
351	DOAN HUU TAN	4286XX1101	350,000
352	HOANG NU CAM ANH	4286XX4106	350,000
353	NGUYEN TUNG NAM	4286XX2100	350,000
354	TON NU BICH NGOC	4111XX9102	700,000
355	VU THI VAN ANH	4111XX1102	700,000
356	NGUYEN THI MY NGOC	4286XX4102	350,000
357	PHAM QUOC HIEN	4111XX2100	700,000
358	LY VAN TUAN	4111XX5107	700,000
359	NGUYEN TIEN DAT	4286XX4102	350,000
360	HO THI THANH HANG	4286XX7108	350,000
361	HOANG MANH HUNG	4111XX6104	700,000
362	NGUYEN HUU CHAT	4286XX9105	350,000
363	NGUYEN THI TUONG VY	4111XX5108	700,000
364	NGUYEN T TRUNG NGUYEN	4286XX5103	350,000
365	NGUYEN NGUYEN NGOC	4111XX5103	700,000
366	LE THI HONG LOAN	4111XX3105	700,000
367	NGUYEN HOANG VU	4286XX8102	350,000
368	LUU MINH HUNG	4111XX8106	700,000
369	NGO PHUC CUONG	4111XX3107	700,000
370	HO VAN DUY	4286XX5104	350,000
371	HA THI THANH HOA	4111XX0101	700,000
372	DAO THI LIEN	4111XX7103	700,000
373	NGUYEN THI KIM DUNG	4286XX0104	350,000
374	LUU VIET DUNG	4111XX2109	700,000
375	LE QUOC TRUNG	4286XX9101	350,000
376	LY TUE BAO LINH	4286XX1100	350,000
377	DUONG THI HAI	4111XX1105	700,000
378	CAO VAN NAM	4111XX0107	700,000
379	PHAM THI THANH TAM	4111XX5105	700,000
380	NGUYEN AN DUONG	4111XX1100	700,000
381	LE TUAN DUNG	4111XX5109	700,000
382	NGUYEN THI THUY LINH	4286XX2106	350,000
383	DANG VAN NGHIA	4111XX1105	700,000
384	PHAM DUC HIEN	4111XX9109	700,000
385	PHAN QUANG MAO	4111XX4102	700,000
386	LE THI THANH THUY	4286XX7109	350,000
387	PHAN THANH QUANG	4111XX6106	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
388	MAI HOANG MINH	4286XX3109	350,000
389	DAO MY NGHIEM	4111XX6106	700,000
390	DAM MINH TUAN	4111XX6105	700,000
391	TRAN THI HUONG	4286XX0103	350,000
392	NGUYEN THI HUONG	4286XX4106	350,000
393	NGUYEN MINH CHAU	4111XX9102	700,000
394	PHAM N NGOC HUYEN	4111XX1102	700,000
395	LE QUOC VUONG	4286XX4100	350,000
396	NGUYEN THI NGOC	4286XX8103	350,000
397	TRAN PHAM THANH TRUC	4111XX2104	700,000
398	DINH DUC THANG	4286XX3106	350,000
399	PHAN THANH HUY	4111XX1109	700,000
400	TRAN HOANG MY LINH	4111XX3109	700,000
401	TRUONG N DUY THUONG	4286XX8102	350,000
402	NGUYEN VIET TU	4111XX6105	700,000
403	BUI DUY TUNG	4111XX5101	700,000
404	CU THANH NHAN	4111XX5100	700,000
405	DOAN VAN LUU	4111XX8101	700,000
406	NGUYEN THI CHINH	4286XX0107	350,000
407	NGUYEN TRUNG TIN	4111XX5109	700,000
408	NGUYEN THI HUE	4111XX8101	700,000
409	TRAN THI THAM	4111XX4104	700,000
410	TRAN MANH DONG	4271XX6108	1,500,000
411	NGUYEN THI THU HANG	4271XX1101	1,500,000
412	PHUNG THI THAO	4271XX4108	1,500,000
	Tổng cộng		383,150,000